

Số: TVHN-226/AGIA

An Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm, mực nước cao nhất ngày 13/8 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-70cm. Mực nước thấp nhất ngày 13/08 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 40-60cm và thấp hơn TBNN từ 20-45cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 13/08 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 25-55cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch ít biến đổi. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 13/08 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 15-45cm; xấp xỉ và cao hơn TBNN từ 5-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn xuống chậm theo triều. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 13/08 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-15cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước xuống theo xu thế triều biển Đông trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm, riêng trên kênh Vĩnh Tế tại trạm Xuân Tô, mực nước tiếp tục lên chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên theo xu thế triều biển Tây đến ngày 20/08.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 15/08/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 13/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			14/8	15/8	16/8	17/8	18/8	14/8	15/8	16/8	17/8	18/8
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	210	60	-47	263	70	-19	260	257	255	253	252	205	201	198	196	195
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	134	46	1	234	72	45	233	231	229	226	222	131	129	126	123	119
Hậu	Khánh An	420	470	520	348	54	17	357	56	20	354	351	349	347	345	345	342	340	338	336
	Châu Đốc	300	350	400	179	42	-20	250	57	19	247	243	240	238	237	176	173	170	168	167
	Long Xuyên	190	220	250	100	35	25	227	66	57	226	224	222	219	215	98	95	92	89	87
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	143	46	-8	233	67	31	232	229	226	223	221	139	136	133	130	128
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	168	71	71	174	73	0	176	177	178	179	180	169	170	171	172	173
	Vinh Gia	200	240	280	70	26	1	72	23	-3	72	71	70	69	68	69	68	67	66	65
	Vinh Điều	170	200	230	65	25	4	67	16	-4	67	66	65	64	63	64	63	62	61	60
T3	Vinh Phú	150	180	210	61	13	3	64	9	-1	64	63	62	61	60	60	59	58	57	56
T5	Nông Trường	160	190	220	68	15	4	72	12	1	72	71	70	69	68	67	66	65	64	63
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	110	36	0	113	30	-2	112	111	110	109	108	109	107	106	105	104
	Cô Tô	140	180	220	106	28	22	109	24	22	108	107	106	105	104	105	103	102	101	100
	Nam Thái Sơn	90	120	150	70	14	-	76	13	-	75	74	73	72	71	69	67	66	65	64
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	70	24	-4	71	20	-7	70	69	68	67	66	69	67	66	65	64
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	118	31	27	128	31	32	127	126	125	124	123	117	115	114	113	112
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	154	48	19	178	40	31	177	176	175	174	173	153	151	150	149	148
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	90	20	-12	111	18	2	110	109	108	107	106	89	87	86	85	84
	Tân Thành	120	150	180	87	28	17	94	21	13	93	92	91	90	89	86	84	83	82	81
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	69	22	20	73	14	13	72	71	70	69	68	68	66	65	64	63
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	7	18	20	47	13	5	47	48	49	50	51	1	0	-1	-2	-3
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-13	9	12	62	16	10	53	58	63	68	74	-21	-23	-26	-29	-31

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





